

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 9 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Việt Nga và bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:

Ông Lê Quý Tinh – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022. Về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nông Thị G**, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Bị đơn: **Anh Hoàng Văn S**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc nguyên đơn chị Nông Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S chung sống với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27 tháng 6 năm 2014. Thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không còn hòa

hợp, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 14/10/2014. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Hoàng Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị G chung sống với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27 tháng 6 năm 2014. Trong thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh và chị G đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện nay cuộc sống của vợ chồng anh đã quá nhiều mâu thuẫn, anh cũng đã suy nghĩ rất kỹ trong khoảng thời gian dài để cùng nhau hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã quá nhiều mâu thuẫn, tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên chị G làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị G có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 14/10/2014. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị G và anh S. Về con chung đề nghị giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nông Thị G có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân, con chung giữa chị với anh Hoàng Văn S, địa chỉ thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị G vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh S vắng mặt lần thứ hai, không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G và anh S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27 tháng 6 năm 2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh chị cũng đã suy nghĩ rất kỹ trong khoảng thời gian dài để cùng nhau hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Anh chị đều đồng ý ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị G và anh S là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị G và anh S có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 14/10/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án chị G và anh S đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Qua lời trình bày của các đương sự, xác minh tại chính quyền địa phương, các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự cung cấp nhận thấy chị G có công việc là làm công nhân thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 6 đến 7 triệu đồng. Anh S công việc chính là làm thuê và làm nông thu nhập theo mùa vụ, không ổn định, thời gian làm việc có lúc kéo dài tới khoảng 11 giờ đêm, anh S không chứng minh được thu nhập cụ thể. Chị G và anh S ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, suốt thời gian ly thân chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và đảm bảo cuộc sống cho cháu T; Nguyện vọng của cháu T muốn ở với mẹ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao con chung là cháu T cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị G và anh S có phát sinh tranh chấp về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phân chia tài sản chung và công nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị G và anh S có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; 235; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị G đối với anh Hoàng Văn S về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Công thuận tình ly hôn giữa chị Nông Thị G và anh Hoàng Văn S.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Ngọc T, sinh ngày 14/10/2014 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Chị G không được quyền cản trở anh S đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị G và anh S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0010081 ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Súp;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND xã C, huyện E;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài